| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 382/2022/HS-PT
Ngày 26 tháng 5 năm 2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hưng;

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Hồng Sơn;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1072/2020/TLPT-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo Nguyễn Thị H, do có kháng cáo của bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2020/HSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:*

**Nguyễn Thị H,** sinh năm1984; giới tính: Nữ; sinh, trú quán: Thôn Vĩnh T, xã Vĩnh P, huyện Bắc Q, Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Số 7, ngách 97/23 tổ 26, phường Đức G, quận Long B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Tày; Con ông Nguyễn Trung K (đã chết) và con bà Trần Thị C; có chồng là Nguyễn Văn T và có 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không; đầu thú tại cơ quan điều tra ngày 19/10/2019. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại, (có mặt).

*- Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Chu Văn Q-Công ty luật Hợp Danh Hùng V Phú Thọ, (có mặt).

***- Bị hại có kháng cáo:*** Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985; nơi ĐKHKTT: Khu 15, phường Gia C, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ; nơi ở: Tổ 3A thôn Hương T, phường Dữu L, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ, (có mặt).

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Luật sư Nhâm Mạnh H2 và Luật sư Tô Thế L-Văn phòng luật sư Tô Thế L, thuộc Đoàn luật sư thành*

*phố Hà Nội, (có mặt Luật sư Hà).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Thống N, xã Vĩnh H, huyện Bắc Q, tỉnh Hà Giang, (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1954; Địa chỉ: Đội 2, khu Minh T, phường Minh N, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ, (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa năm 2018, Nguyễn Thị H quen biết chị Nguyễn Thị H1, do chị Nguyễn Thị Mỹ D giới thiệu. Sau đó, H có vay mượn tiền của H1 nhiều lần để kinh doanh. Các lần vay đều trả nợ đúng hạn. Khoảng đầu năm 2019, H nợ tiền của nhiều người và không có khả năng trả nên đã nảy sinh ý định lừa chị H1 lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Huyền đã tự soạn thảo hai hợp đồng mua bán dê với nhà hàng dê Thanh S và nhà hàng dê Nguyễn D. Sau đó H đến gặp chị H1 đặt vấn đề cùng góp vốn kinh doanh mua bán dê. H nói với chị H1 là vừa ký được hợp đồng mua bán dê với nhà Hàng dê Thanh S và nhà Hàng dê Nguyễn D, việc kinh doanh dễ dàng, thời gian ngắn, lợi nhuận cao, chỉ trong 10 đến 30 ngày sẽ thu hồi được vốn và lãi sẽ chia đôi. H đã đưa cho chị H1 xem 2 hợp đồng mua bán dê. Sau khi xem chị H1 đồng ý góp vốn mua dê. Hai hợp đồng H cầm về. Sau đó H đã đưa cho chị Nguyễn Thị Mỹ D để nhờ D vay hộ tiền. Chị D không vay tiền mà đưa cho H xem, xong H giữ luôn 2 hợp đồng đó.

Trong thời gian từ ngày 07/01/2019 đến ngày 25/02/2019 chị H1 đã đưa cho H tổng số tiền 720.400.000 đồng. Số tiền trên được đưa làm 7 lần, có lần H1 đưa tại nhà của H1, có lần đưa tiền tại nhà H. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 07/01/2019, chị H1 đưa cho H số tiền 130.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 11/01/2019, chị H1 đưa cho H số tiền 121.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 16/01/2019, chị H1 đưa cho H số tiền 200.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 25/01/2019, chị H1 đưa cho H số tiền 170.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 28/01/2019, chị H1 đưa cho H số tiền 80.000.000 đồng.

Tổng số tiền H nhận của H1 trong 5 lần là 701.000.000 đồng, mỗi lần đưa tiền không viết giấy tờ. Sau đó, H đã trả cho chị H1 số tiền 10.000.000 đồng. Còn lại số tiền 691.000.000 đồng, đến ngày 04/02/2019, H viết giấy vay tiền với nội dung H vay của chị H1 số tiền 691.000.000 đồng, có chị Nguyễn Thị Mỹ D chứng kiến và ký vào giấy vay tiền. Giấy vay tiền chị H1 giữ, nhưng sau đó, chị H1 đưa lại cho H số tiền 10.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 22/02/2019 chị H1 đưa cho H số tiền 24.000.000 đồng, nhưng sau đó H đưa lại cho chị H số tiền 21.100.000 đồng, còn nợ lại số tiền 2.900.000 đồng;

Lần 7: Ngày 25/02/2019, chị H1 đưa cho H số tiền 16.500.000 đồng.

Tổng số tiền của lần 6, lần 7 và 10.000.000 đồng H1 đưa lại của lần 5 là

29.400.000 đồng. Số tiền này H1 và H không viết giấy tờ gì.

Như vậy, tổng số tiền mà H1 đưa cho H là 720.400.000 đồng. H sử dụng để trả nợ cho bà Trần Thị L2 90.000.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị L1 (chị gái H) 300.000.000 đồng; còn lại 330.400.000 đồng H sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Khi không thấy H thực hiện theo lời hứa, chị H1 đã tìm gặp H nhiều lần để đòi tiền nhưng H trốn tránh mặt không gặp.

H khai nhận hợp đồng mua dê là tự H soạn thảo xong thuê đánh máy. Đối với con dấu đóng trên 2 hợp đồng mua dê, H khai tự đến một cơ sở khắc dấu ở thành phố Việt T, theo tên, địa chỉ và số điện thoại của nhà Hàng dê Nguyễn D và nhà hàng dê Thanh S rồi đóng dấu vào hai hợp đồng nêu trên. Sau đó H đã vứt bỏ hai con dấu. Cơ quan điều tra đã xác minh các cơ sở khắc dấu trên địa bàn thành phố Việt T nhưng không có căn cứ H khắc dấu tại các cơ sở này.

Ngày 13/5/2019, chị H1 có đơn đề nghị Cơ quan điều tra xử lý đối với H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 720.400.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 giấy vay tiền bản gốc và 2 hợp đồng mua bán dê do chị Nguyễn Thị H1 giao nộp. Tại Kết luận giám định đã kết luận: chữ viết, chữ ký trong giấy vay tiền ghi ngày 4/2/2019 là do Nguyễn Thị H viết và ký ra.

Ngày 19/10/2019, Nguyễn Thị H đến Cơ quan điều tra để đầu thú.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thị H đã trả cho chị H1 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và chị H1 trình bày bị cáo H đã trả thêm 20.000.000đ nữa, tổng là 60.000.000đ, nay chị H1 yêu cầu Nguyễn Thị H phải bồi thường 660.400.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2020/HSST ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội ”Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2, điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền số tiền 720.400.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 60.000.000đ, còn phải bồi thường cho chị H1 là 660.400.000đ (Sáu trăm sáu mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 01/10/2020, bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 12/10/2020, bị hại Nguyễn Thị H1 kháng cáo với nội dung cần phải

thu hồi số tiền mà bị cáo đã trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để trả cho bị hại, đồng thời đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị H giữ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, với lý do: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khắc phục thêm 250.000.000 đồng để trả cho bị hại, bị hại thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ cho bị cáo và hiện nay bị cáo là lao động chính và phải nuôi hai con nhỏ, gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn (giấy xác nhận hộ nghèo) bản thân bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo tự thú tại Cơ quan điều tra.

Ngoài ra, bị cáo thừa nhận trong hợp đồng mua bán dê thì trước khi đưa cho chị H1 thì bị cáo chưa ghi ngày, tháng và sau này bị cáo mới điền ngày là ngày 12/01/2019 còn thực chất hợp đồng mua bán dê là đưa cho chị H1 trước ngày 07/01/2019.

- Bị hại Nguyễn Thị H1 thay đổi kháng cáo từ tăng nặng hình phạt sang giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, với lý do: Sau khi xét xử sơ thẩm, mặc dù bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, là lao động chính và phải nuôi hai con nhỏ, nhưng bị cáo đã ý thức được hành vi phạm tội của mình và hai lần đã trả thêm cho chị được 250.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, chị H1 thừa nhận hợp đồng mau bán dê khi chị nhận là trước ngày 07/01/2019 và không ghi ngày sau này bị cáo mới ghi ngày 12/01/2019; số tiền 720.400.000 đồng là tiền chị đưa cho bị cáo để mua bán dê như lời hứa của bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và bị hại Nguyễn Thị H1 trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị hại thay đổi kháng cáo từ tăng nặng hình phạt sang giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là trong phạm vi kháng cáo và không gây bất lợi cho bị cáo, nên được xem xét kháng cáo.

Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại thừa nhận ngày ghi trong hợp đồng mua bán dê là ngày mà bị cáo tự điền vào sau khi đã đưa cho chị H1 xem và trước khi chị H1 đưa tiền cho bị cáo. Do đó, có đủ căn cứ tổng số tiền 720.400.000 đồng mà chị H1 đưa cho bị cáo H là tiền mua bán dê như hai bên đã thỏa thuận ban đầu. Hành vi gian dối ngay từ đầu của bị cáo Huyền dùng hợp đồng mua bán dê không có thật để chiếm đoạt số tiền nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm

là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, mặc dù hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn (hộ nghèo), nhưng bị cáo đã khắc phục được 250.000.000 đồng để trả cho bị hại cũng như tại phiên tòa, bị hại thay đổi kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, những tình tiết mới này được xem xét tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 355 và 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại; sửa bản án sơ thẩm và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo từ 03 năm 04 năm tù.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong số tiền 720.400.000 đồng có khoản nào là khoản vay không và nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Bị cáo nhất trí đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, bị hại Nguyễn Thị H1 trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị hại thay đổi kháng cáo từ tăng nặng hình phạt sang giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là trong phạm vi kháng cáo và không gây bất lợi cho bị cáo, nên được xem xét kháng cáo.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị H tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra vụ án và phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 07/01/2019 đến ngày 25/02/2019, do cần tiền Nguyễn Thị H đã nói với chị Nguyễn Thị H1 là mình ký được hợp đồng mua bán dê, đề nghị chị H1 góp vốn làm ăn chung. Để tạo được lòng tin, H nói với chị H1 là việc kinh doanh dê dễ dàng, thời gian ngắn, lợi nhuận cao, tiền lãi sẽ chia đôi. H đã đưa cho H1 2 bản hợp đồng mua bán dê tự soạn thảo và có đóng dấu đỏ mang tên nhà hàng dê Thanh S và dê Nguyễn D. Chị H1 tin tưởng hợp đồng mua bán dê mà H đưa cho xem là thật, nên chị H1 đưa cho H 7 lần, tổng số tiền 720.400.000

đồng. Sau khi có tiền, H đã sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết số tiền 720.400.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị H đã phạm vào tội ”Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo qui định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Xét tính chất vụ án thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền về tài sản của công dân mà được pháp luật bảo vệ và làm mất an ninh trật tự, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, do đó cần xem xét để xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật cho tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thì thấy:

Bị cáo nhiều lần nhận tiền của chị H để chiếm đoạt nên bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là phạm tội 2 lần trở lên, theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật bị hạn chế, sau khi phạm tội đã ra đầu thú 19/10/2019 (BL 86) trước ngày khởi tố vụ án nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo đã hoàn trả cho chị H1 được một khoản tiền (60.000.000 đồng), do đó cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 31/3/2020 bị cáo Huyền đã trả cho chị H1 40.000.000đ, sau đó trả tiếp 20.000.000 đồng, số tiền này được trừ vào khoản tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, số tiền còn lại buộc bị cáo phải trả lại cho chị H1 là 660.400.000 đồng.

[6] Với nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo như quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo và bị hại kháng cáo;

[7] Xét kháng cáo của bị cáo và của bị hại: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo H thành khẩn khai báo (xác nhận ngày ghi trong hợp đồng mua bán dê ngày 12/01/2019 là bị cáo tự điền vào sau khi đưa cho chị H1 xem trước ngày 07/01/2019 là không điền ngày tháng); bị cáo H và bị hại H1 đều xác nhận là sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo H đã trả cho bị hại H1 là 250.000.000 đồng cũng như bị hại H1 thay đổi kháng cáo từ tăng nặng hình phạt đối với bị cáo sang xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo và hiện nay gia đình bị cáo là hộ nghèo (Giấy chứng nhận hộ nghèo). Hội đồng xét xử thấy, căn cứ nêu trên đối với bị cáo được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần thiết chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự; giảm cho bị cáo một phần hình phạt và cũng phù hợp với đề nghị của các Luật sư và quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử ghi nhận phần dân sự, bị cáo đã bồi thường thêm cho bị hại 250.000.000 đồng.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của bị cáo, nên bị cáo Huyền không phải nộp án phí phúc thẩm.

Bị hại Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị H1; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2020/HSST ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội ”Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2, điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền số tiền 720.400.000 đồng.

Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 được 60.000.000đ và 250.000.000 đồng. Bị cáo còn phải bồi thường cho chị H1 là 410.400.000đ *(bốn trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng).*

*- Khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi chị H1 có đơn đề nghị được thi hành án, mà bị cáo chưa bồi thường cho chị H1 số tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.Luật phí và lệ phí; Điểm a Khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Thị Huyền và bị hại Nguyễn Thị H1 không phải nộp

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các bị cáo, (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Phòng HC-TP.

**Đặng Văn Hưng**